

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1956/2020/HC-ST

Ngày: 18-11-2020.

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Xuân Hải.

2/ Ông Trần Ngọc Thực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thùy Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và ngày 18 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 370/HCST ngày 08/11/2018 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5487/2020/QĐST-HC ngày 16/10/2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Bà Phan Thị R, sinh năm 1960.

Địa chỉ: xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: 104/60 Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (có yêu cầu tiến hành tố tụng vắng mặt).

(Theo Văn bản số 128/STNMT-VP ngày 05/01/2019).

Địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, phường B, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Ông Phan Thanh T, sinh năm 1979 – Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 93, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 77 thị trấn U, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Kim Văn C, sinh năm 1960 (chết ngày 09/01/2016)

Địa chỉ: xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Cường:

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2018, biên bản đối thoại, các lời trình bày tại tòa, người khởi kiện bà Phan Thị R có người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Ngày 15/4/2013, bà Phan Thị R có nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị N1 và ông Kim Văn C phần đất có diện tích 251m², thuộc thửa 98, tờ bản đồ số 42, xã T, huyện C, thuộc một phần thửa số 96 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là GCNQSDĐ) số H0035/12/QSDĐ do Ủy ban nhân dân (gọi tắt là UBND) huyện C cấp ngày 19/02/2008 cho bà Nguyễn Thị N1, kèm Bản đồ hiện trạng vị trí số 7845/ĐĐBĐ/CC/2001 do Công ty TNHH đo đạc và tư vấn Y lập ngày 06/11/2011, có chứng nhận của Văn phòng Công chứng Lý Thị Như Hòa.

Sau khi nhận chuyển nhượng, bà N1 giao bản chính GCNQSDĐ số H0035/12/QSDĐ cho bà R để thực hiện thủ tục đăng ký và tách thửa, bà R đã nhận đất và làm hàng rào để giữ đất. Tuy nhiên, bà R chưa thực hiện được việc cập nhật và tách thửa do có một căn nhà xây dựng không phép trên đất nông nghiệp vào năm 2009 và một dãy nhà trọ xây dựng không phép trên đất nông nghiệp vào năm 2011 của bà N1.

Theo Công văn số 2574/VPĐK-CNCC ngày 13/9/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện C về việc giải quyết đơn đề nghị cung cấp thông tin của bà R thì bà R biết được bà N1 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp GCNQSDĐ số CS10671 ngày 02/02/2018 (cấp lại từ GCNQSDĐ số H0035/12/QSDĐ).

Nhận thấy việc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp lại GCNQSDĐ số CS10671 ngày 02/02/2018 cho bà N1 là không đúng với

quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà R.

Nay bà R khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ số CS10671 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/02/2018 cho bà Nguyễn Thị N1.

Người bị kiện là Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh có yêu cầu tiến hành tố tụng vắng mặt, có văn bản số 1254/STNMT-VPĐK ngày 25/02/2020 trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện như sau:

Bà Nguyễn Thị N1 được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số H00313/12 ngày 16/02/2009, với diện tích 845,9m², thửa 98, tờ bản đồ số 42 (tài liệu bản đồ KTS), bộ địa chính xã T, huyện C.

Năm 2017, bà N1 làm đơn cơ mất GCNQSDĐ, lý do: Bị rơi mất trên đường đi, được Công an xã T, huyện C xác nhận ngày 04/7/2017. Sau khi được Công an xác nhận bà N1 nộp hồ sơ xin cấp lại GCNQSDĐ tại UBND xã T.

Khi tiếp nhận hồ sơ từ bà N1, UBND xã T đã ra Thông báo lập thủ tục niêm yết và kết thúc niêm yết hồ sơ cấp lại GCNQSDĐ của bà N1 theo quy định của pháp luật.

Đến khi hoàn thành hồ sơ tại UBND xã T, bà Nguyễn Thị N1 nộp hồ sơ tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C để xin cấp lại GCNQSDĐ. Căn cứ hồ sơ xin cấp lại GCNQSDĐ của bà Nguyễn Thị N1; Chi nhánh đã tham mưu trình Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp lại GCNQSDĐ số CI 827946, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS10671 ngày 02/02/2018, với diện tích 845,9m², thửa 98, tờ bản đồ số 42 (tài liệu bản đồ KTS), bộ địa chính xã T cho bà Nguyễn Thị N1 (về diện tích, số thửa và số tờ bản đồ không có gì thay đổi so với GCNQSDĐ đã mất trước đây của bà N1).

Về cơ sở pháp lý:

Căn cứ Điều 77 Nghị định số 43/2014 về cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng do bị mất:

"1. Hộ gia đình và cá nhân, cộng đồng dân cư phải khai báo với UBND cấp xã nơi có đất về việc bị mất Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng, UBND cấp xã có trách nhiệm niêm yết thông báo mất Giấy chứng nhận tại trụ sở UBND cấp xã, trừ trường hợp mất giấy do thiên tai, hỏa hoạn.

Tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài, các nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài phải đăng tin mất Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương.

2. Sau 30 ngày, kể từ ngày niêm yết thông báo mất Giấy chứng nhận tại trụ sở UBND cấp xã đối với trường hợp của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân

cur hoặc kể từ ngày đăng tin lần đầu trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương đối với trường hợp của tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người bị mất Giấy chứng nhận nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận.

3. Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ; trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính thửa đất đối với trường hợp chưa có bản đồ địa chính hoặc chưa trích đo địa chính thửa đất; lập hồ sơ trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 37 của Nghị định này ký quyết định hủy Giấy chứng nhận bị mất, đồng thời ký cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người được cấp hoặc gửi UBND cấp xã để trao đối với trường hợp nộp hồ sơ tại cấp xã."

Do đó, xét GCNQSDĐ đã cấp lại cho bà Nguyễn Thị N1 là đúng theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Vì trong thời gian cấp lại GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị N1, thì phần đất này chưa có tranh chấp và cũng không có văn bản ngăn chặn nào của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N1 và ông Kim Văn C (chết ngày 09/01/2016) - Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C: Bà Nguyễn Thị N vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện.

Tòa án đã tiến hành cho các bên đối thoại với nhau.

Tại phiên tòa hôm nay:

* Người khởi kiện bà Phan Thị R có bà Nguyễn Thị Kim C đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu hủy GCNQSDĐ số CS10671 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/02/2018 cho bà Nguyễn Thị N1.

Tại phiên tòa, bà C trình bày: Ngày 19/5/2011, bà R có ký hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng giấy tay với bà Nguyễn Thị N1 phần đất có diện tích khoảng 250m² tại xã T, huyện C. Đến ngày 15/4/2013, đôi bên mới đến Văn phòng công chứng Lý Thị Như Hòa để ký hợp đồng công chứng. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà R đã nhận đất và bà N1 giao bản chính GCNQSDĐ số H0035/12/QSDĐ cho bà R để thực hiện thủ tục đăng ký và tách thửa. Tuy nhiên, bà R chưa thực hiện được việc cập nhật và tách thửa do có một căn nhà xây dựng không phép trên đất nông nghiệp vào năm 2009 và một dãy nhà trọ xây dựng không phép trên đất nông nghiệp vào năm 2011 của bà N1. Tuy nhiên, bà N1 lại có hành vi gian dối làm đơn có mất GCNQSDĐ (là GCNQSDĐ mà bà N1 đã giao cho bà R giữ để làm thủ tục tách thửa) để được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp lại GCNQSDĐ số CI827946, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS10671 ngày 02/02/2018, với diện tích 845,9m² (trong đó bao gồm phần diện tích 251m² mà bà N1 đã bán cho bà

R), thửa 98, tờ bản đồ số 42 (tài liệu bản đồ KTS), bộ địa chính xã T cho bà N1 là không đúng pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà R là người nhận chuyển nhượng đất hợp pháp. Do vậy, bà R yêu cầu hủy GCNQSDĐ số CS10671 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/02/2018 cho bà N1.

* Người bị kiện là Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh có yêu cầu vắng mặt và đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để xét xử.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có yêu cầu vắng mặt khi xét xử.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N1 và ông Kim Văn C (chết ngày 09/01/2016) - người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Cường: bà Nguyễn Thị N được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ qui định của Luật tố tụng hành chính - Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo luật định.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, ra Thông báo thụ lý vụ án đúng pháp luật. Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các bên đương sự đã chấp hành đúng những quy định về thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị R.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án:

Bà Phan Thị R nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu hủy GCNQSDĐ số CS10671 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/02/2018 cho bà Nguyễn Thị N1, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý đơn khởi kiện của bà R là đúng thẩm quyền quy định của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Thời hiệu khởi kiện:

Theo Công văn số 2574/VPĐK-CNCC ngày 13/9/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện C, thì bà R biết được bà N1 đã được Sở Tài

nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp GCNQSDĐ số CS10671 ngày 02/02/2018.

Ngày 19/10/2018, bà R có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu hủy GCNQSDĐ nêu trên, căn cứ quy định của Luật tố tụng hành chính thì yêu cầu khởi kiện của bà R còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Về người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

Căn cứ văn bản số 1974/UBND ngày 20/8/2020 của UBND xã T - huyện C thì “ông Kim Văn C, sinh năm 1960, đã chết ngày 09/01/2016 (trích lục khai tử số 08 của UBND xã T, huyện C ngày 18/01/2016).

Ông Kim Văn C có cha mẹ chết đã lâu.

Ông Kim Văn C và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1958 có 01 con chung là Nguyễn Thị N, sinh năm 1983 hiện đang cư trú tại tổ 10, ấp Giữa, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra ông Kim Văn C và bà Nguyễn Thị N1 có con chung cư trú ở địa phương khác, ông Kim Văn C có con riêng cư trú nơi khác ngoài xã T không thể xác minh được.”

[4] Về sự vắng mặt của đương sự:

Người bị kiện là Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh có yêu cầu vắng mặt khi xét xử; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N1 và ông Kim Văn C (chết ngày 09/01/2016) - Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C: bà Nguyễn Thị N được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ quy định của Luật Tố tụng hành chính Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo luật định.

[5] Về nội dung:

[5.1] Xét về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì Giấy chứng nhận nêu trên do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền.

[5.2] Về yêu cầu của người khởi kiện:

Xét, yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị R có bà Nguyễn Thị Kim C đại diện theo ủy quyền, yêu cầu hủy GCNQSDĐ số CS10671 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/02/2018 cho bà Nguyễn Thị N1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Giấy CNQSDĐ số H 00313/12 có diện tích 845,9m² thửa 98, tờ 42 (Tài liệu Bản đồ KTS) Bộ địa chính T, trong đó: đất ở nông thôn: 43m²; đất trồng cây lâu năm: 802,9m² do UBND huyện C cấp ngày 16/02/2009 cho bà Nguyễn Thị N1. Ngày 19/9/2011, bà N1 chuyển mục đích sử dụng thành đất ở diện tích 243,4m² theo Quyết định số 9491/QĐ-UBND của UBND huyện C ngày 22/8/2011.

Căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (một phần) diện tích 251m² (trong đó đất ở: 243,4m²; đất trồng cây lâu năm: 7,6m²) thửa đất số 98, tờ bản đồ số 42, xã T, huyện C giữa ông Kim Văn C, bà Nguyễn Thị N1 với bà Phan Thị R có chứng nhận của Văn phòng Công chứng Lý Thị Như Hòa ngày 15/4/2013.

Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí số 7845/ĐĐBĐ/CC/2011 ngày 16/11/2011 của Công ty TNHH đo đạc và tư vấn Y được Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C kiểm tra nội nghiệp ngày 21/11/2011.

Theo trình bày của người khởi kiện - bà R thì sau khi nhận chuyển nhượng, bà R đã nhận đất và bà N1 giao bản chính GCNQSDĐ số H0035/12/QSDĐ cho bà R để thực hiện thủ tục đăng ký và tách thửa. Tuy nhiên, bà R chưa thực hiện được việc cập nhật và tách thửa do có một căn nhà xây dựng không phép trên đất nông nghiệp vào năm 2009 và một dãy nhà trọ xây dựng không phép của bà N1 trên đất nông nghiệp vào năm 2011.

Theo người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thì ngày 03/7/2017, bà Nguyễn Thị N1 làm đơn có mất GCNQSDĐ số H0035/12/QSDĐ, lý do: Bị rơi mất trên đường đi, được Công an xã T, huyện C xác nhận ngày 04/7/2017, sau đó bà N1 nộp hồ sơ xin cấp lại GCNQSDĐ tại UBND xã T và UBND xã T đã ra Thông báo lập thủ tục niêm yết và kết thúc niêm yết hồ sơ cấp lại GCNQSDĐ của bà N1 theo quy định của pháp luật. Sau khi hoàn thành hồ sơ tại UBND xã T, bà N1 nộp hồ sơ tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C để xin cấp lại GCNQSDĐ. Căn cứ hồ sơ xin cấp lại GCNQSDĐ của bà N1; Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C đã tham mưu trình Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp lại GCNQSDĐ số CI 827946, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS10671 ngày 02/02/2018, với diện tích 845,9m², thửa 98, tờ bản đồ số 42 (tài liệu bản đồ KTS), bộ địa chính xã T cho bà Nguyễn Thị N1 (về diện tích, số thửa và số tờ bản đồ không có gì thay đổi so với GCNQSDĐ đã mất trước đây của bà N1). Xét, việc cấp lại Giấy chứng nhận số CI 827946, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS10671 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh là thực hiện đúng trình tự, thủ tục luật định.

Xét, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên giữa bà R với bà N1 có chứng nhận của Văn phòng Công chứng Lý Thị Như Hòa ngày 15/4/2013, sau khi nhận chuyển nhượng, bà R đã nhận đất và bà N1 đã giao bản chính GCNQSDĐ số H0035/12/QSDĐ cho bà R để tiến hành thủ tục tách thửa. Tuy nhiên, ngày 03/7/2017, bà N1 làm đơn có mất GCNQSDĐ số H0035/12/QSDĐ, lý do: Bị rơi mất trên đường đi và được Công an xã T, huyện C xác nhận ngày 04/7/2017, như vậy bà N1 đã có hành vi gian dối khi làm đơn có mất GCNQSDĐ số H0035/12/QSDĐ là không đúng sự thật để được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp lại GCNQSDĐ số CI 827946, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS10671 ngày 02/02/2018, với diện tích 845,9m² (về diện tích, số thửa và số tờ bản đồ không có gì thay đổi so với GCNQSDĐ đã mất trước đây của bà N1).

Căn cứ khoản 6 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: “Việc thu hồi GCN đã cấp không thuộc trường hợp qui định tại khoản 2 Điều 106 của luật đất đai chỉ được thực hiện khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân đã được thi hành”.

[6] Từ những nhận định nêu trên, nhận thấy yêu cầu của người khởi kiện bà R là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà R. Đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngày 19/10/2018, người khởi kiện bà R có Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp và cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp” theo qui định tại khoản 7, Khoản 8 Điều 114 Bộ luật tố tụng dân sự”.

Ngày 26/10/2018, người khởi kiện bà R có đơn rút lại Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên, việc rút đơn là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện nên người bị kiện phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157, Điều 158; Điểm b Khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị R.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 827946, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS10671 với diện tích 845,9m², thửa 98, tờ bản đồ số 42 (tài liệu bản đồ KTS), bộ địa chính xã T do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/02/2018 cho bà Nguyễn Thị N1.

2. Án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu.

Hoàn tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng cho bà Phan Thị R đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0045579 ngày 06/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt, niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thanh Tú